

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

Số: *514*/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kon Tum, ngày *16* tháng *7* năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2050

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường năm 2005;

Căn cứ Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25 tháng 9 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến 2050;

Căn cứ Quyết định số 160/QĐ-TTg ngày 15 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về Phát triển bền vững giai đoạn 2011-2015;

Căn cứ Thông tư số 02/2013/TT-BKHĐT ngày 27 tháng 3 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- Lưu VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

K. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Hải

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG
thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011 - 2020 và
tầm nhìn đến năm 2050

*(Ban hành Kèm theo Quyết định số 514/QĐ-UBND,
ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Quán triệt, triển khai cụ thể hóa những nội dung cơ bản của Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến 2050 vào điều kiện cụ thể của tỉnh Kon Tum, vừa góp phần thực hiện mục tiêu chung của Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, vừa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kon Tum hướng đến các mục tiêu tăng trưởng xanh, đảm bảo phát triển kinh tế nhanh, hiệu quả, bền vững, tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

- Xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến 2050 phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh; xác định trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong việc thực hiện Chiến lược quốc gia và Chương trình hành động của tỉnh.

- Quá trình tổ chức thực hiện phải bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến 2050, đồng thời cụ thể hóa vào kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của các cấp, các ngành.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh, xanh hóa các ngành kinh tế hiện có, tiến tới nền kinh tế các-bon thấp, làm giàu vốn tự nhiên trở thành xu hướng chủ đạo trong phát triển kinh tế bền vững; phát triển các ngành kinh tế sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, giảm phát thải khí và tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính. Nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng lối sống thân thiện với môi trường.

2. Mục tiêu cụ thể

- Xanh hóa các ngành hiện có và khuyến khích phát triển các ngành kinh tế sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên với giá trị gia tăng cao.

- Nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng lối sống thân thiện với môi trường thông qua tạo nhiều việc làm từ các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ xanh, đầu tư vào vốn tự nhiên, phát triển hạ tầng xanh.

- Khuyến khích, nghiên cứu ứng dụng ngày càng rộng rãi khoa học công nghệ nhằm sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả nhất nguồn tài nguyên thiên nhiên, giảm cường độ phát thải khí nhà kính, góp phần ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về tăng trưởng xanh.

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng như báo, đài, tạp chí, trang thông tin điện tử,... nhằm nâng cao nhận thức về sự cần thiết, nội dung, các biện pháp thực hiện tăng trưởng xanh. Từ đó, tạo ra sự chuyển biến tích cực để mỗi cá nhân, tổ chức có hành động thiết thực đóng góp cho mục tiêu tăng trưởng xanh của tỉnh Kon Tum. Mục tiêu đặt ra là mỗi cán bộ, công chức, mỗi người dân đều nhận thức rõ ràng về vai trò, ý nghĩa của tăng trưởng xanh là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, của các cấp chính quyền, cơ quan, doanh nghiệp, đoàn thể xã hội, cộng đồng dân cư và mỗi người dân.

Đổi mới công tác tuyên truyền giáo dục về cả hình thức và nội dung phù hợp với từng đối tượng: tổ chức các lớp tập huấn về sự cần thiết, nội dung của tăng trưởng xanh; xây dựng các chương trình tuyên truyền, giáo dục về các mô hình sản xuất và tiêu dùng tiết kiệm, an toàn, văn minh, mang đậm bản sắc dân tộc, hài hoà và thân thiện với thiên nhiên, xây dựng các chuyên mục trên báo, thực hiện các phóng sự về nông thôn xanh, mô hình nhà ở xanh, mô hình phân loại rác thải tại nguồn theo phương pháp giảm thiểu - tái chế - tái sử dụng (3R)... Tổ chức tuyên truyền vào các ngày liên quan đến môi trường như: Tuần lễ quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường, giờ Trái đất, ngày Môi trường thế giới,...

2. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch các ngành sản xuất, dần hạn chế những ngành kinh tế phát sinh chất thải lớn, gây ô nhiễm, suy thoái môi trường, tạo điều kiện phát triển các ngành sản xuất xanh mới.

- Công nghiệp khai thác chế biến khoáng sản: Hạn chế khai thác, chế biến thô sơ khoáng sản. Đến năm 2020 các cơ sở khai thác, các khu vực khoáng sản phục vụ cho phát triển công nghiệp khai thác phải đảm bảo yêu cầu phát triển hiệu quả, bền vững, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Công nghiệp chế biến nông, lâm sản: Từng bước đầu tư phát triển công nghiệp chế biến sử dụng công nghệ tiên tiến và quy mô phù hợp, sử dụng nguyên liệu tại chỗ, tạo ra những sản phẩm tinh chế, có chất lượng cao, có thương hiệu, đủ sức cạnh tranh trên thị trường gắn phát triển sản xuất với bảo vệ môi trường.

- Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng: Phát triển sản xuất vật liệu xây dựng trên cơ sở quy hoạch và khai thác hợp lý, có hiệu quả tài nguyên; sản xuất và sử dụng vật liệu xây dựng không nung để thay thế gạch đất sét nung; tiến tới xoá bỏ hoàn toàn các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung bằng lò thủ công trên địa bàn tỉnh, nhằm giảm thiểu khí phát thải gây hiệu ứng nhà kính và gây ô nhiễm môi trường. Tiếp tục đầu tư có chiều sâu, đổi mới công nghệ, trang thiết bị để phát huy năng lực của các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng hiện có, từng bước loại bỏ công nghệ lạc hậu, năng suất thấp, tiêu tốn năng lượng gây ô nhiễm môi trường. Phát triển hợp lý, gắn với cương quyết bảo vệ môi trường, an sinh, an toàn cho cuộc sống nhân dân.

- Công nghiệp thủy điện: Khi thiết kế và thi công công trình thủy điện nhất thiết phải xem xét yếu tố biến đổi khí hậu, xác định cấp công trình, tính toán kỹ thuật cấp công trình; kịch bản liên quan đến các sự cố đập và các phương án phòng tránh giảm nhẹ thiệt hại cho cộng đồng liên quan đến phạm vi ảnh hưởng của đập; thực hiện trồng rừng mới thay thế diện tích rừng đã sử dụng và phục hồi rừng đầu nguồn; phát triển thủy điện phải gắn với chính sách tái định cư, giải quyết việc làm cho người dân cần phải di dời, nơi ở mới phải đảm bảo tốt hơn nơi ở cũ và bảo vệ môi trường sinh thái. Không phát triển công trình thủy điện có tác động lớn đến môi trường, xã hội.

- Tiểu thủ công nghiệp và nghề truyền thống: Ưu tiên hỗ trợ đầu tư xây dựng các làng nghề truyền thống của địa phương như dệt thổ cẩm, đan lát, rượu ghè... theo hướng đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Khu, cụm công nghiệp: Thu hút các dự án vào lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến khoáng sản, chế biến nông lâm sản gắn với chương trình sản xuất sạch hơn trong công nghiệp.

3. Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên

- Thực hiện có hiệu quả Luật Tài nguyên nước, Luật đất đai, Luật khoáng sản, Luật bảo vệ môi trường và những qui định liên quan, tăng cường áp dụng các công cụ kinh tế, hành chính theo nguyên tắc "người gây ô nhiễm môi trường phải trả tiền".

- Thiết lập các tổ chức quản lý hành chính hiệu quả, củng cố, kiện toàn hệ thống quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường tại các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh, phát triển áp dụng rộng rãi những công nghệ và thực hành khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên.

- Các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội phải tính toán đến yếu tố sử dụng hiệu quả và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, xem đây là nội dung bắt buộc phải được thể hiện trong dự án đầu tư.

4. Thúc đẩy các ngành kinh tế xanh phát triển nhanh.

- Chú trọng, khuyến khích phát triển các ngành kinh tế, sản phẩm xanh, trong đó tập trung phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn, sản phẩm chủ lực có thế mạnh của tỉnh như dược liệu, nông lâm thủy sản, du lịch sinh thái.

- Khuyến khích sự tham gia của mọi thành phần kinh tế đầu tư vào cơ sở hạ tầng dịch vụ hệ sinh thái, các khu bảo tồn và phục hồi vào các hệ sinh thái đã bị suy giảm.

- Xây dựng chính sách ưu tiên và hỗ trợ các ngành kinh tế xanh phát triển, lồng ghép các chương trình phát triển và xoá đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng cảnh quan và môi trường.

- Đẩy mạnh phát triển hoạt động tái chế, tái sử dụng các chất phế thải theo hướng sử dụng công nghệ tiên tiến, ít gây ô nhiễm môi trường; phân loại, tái chế rác thải ở các khu đô thị thành năng lượng, vật liệu xây dựng và phân vi sinh.

5. Phát triển kết cấu hạ tầng bền vững chủ yếu gồm: Hạ tầng giao thông, năng lượng, thủy lợi.

a) Giao thông

Tập trung nguồn lực đầu tư, cải tạo, nâng cấp, đồng thời có kế hoạch duy tu, bảo dưỡng các tuyến tỉnh lộ có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh vận chuyển hành khách và hàng hoá đảm bảo an toàn, thuận lợi; Từng bước đầu tư xây dựng các luồng tuyến, bến bãi giao thông thủy nội địa theo quy hoạch đã được phê duyệt.

b) Năng lượng

- Phát triển nguồn điện đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu cho sản xuất, tiêu dùng của nhân dân.

- Huy động nguồn lực đầu tư các điểm đầu nối, hoàn chỉnh hệ thống điện lưới; áp dụng công nghệ hiện đại nhằm nâng cao chất lượng lưới điện phân phối, giảm tổn thất điện năng, nâng cao hiệu quả sử dụng điện.

c) Thủy lợi

- Đầu tư phát triển thủy lợi đa mục tiêu; sử dụng hiệu quả nguồn nước của các công trình thủy lợi và tăng cường hiệu quả sử dụng nước nhằm giảm tác động tiêu cực tới nguồn nước ngầm và thoát nước ngầm trong sản xuất nông nghiệp.

- Đầu tư các tuyến kè bờ sông, nâng cấp, cải tạo công trình thủy lợi và kiên cố hoá kênh mương đáp ứng yêu cầu ứng phó với biến đổi khí hậu và chống lũ lụt; quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn nước của công trình thủy lợi.

- Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của nhân dân về ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác thủy lợi trong biến đổi khí hậu, nâng cao việc thích ứng của người dân với các tác động biến đổi khí hậu.

- Xây dựng hồ chứa nước ở khu vực bị ảnh hưởng bởi hạn hán; hỗ trợ về công nghệ và dịch vụ tư vấn về các phương pháp tiết kiệm nước.

6. Đổi mới công nghệ, áp dụng phổ biến sản xuất sạch hơn.

- Áp dụng sản xuất sạch hơn và sử dụng hiệu quả tài nguyên theo chiến lược sản xuất sạch hơn trong công nghiệp đến năm 2020 và Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đưa nội dung sản xuất sạch hơn vào chiến quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực của tỉnh.

- Nâng cao năng lực cho các cơ quan quản lý, doanh nghiệp và cơ sở sản xuất công nghiệp trong việc áp dụng sản xuất sạch hơn. Kêu gọi doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp trong nước đầu tư vào lĩnh vực hướng đến nền kinh tế xanh và bảo vệ môi trường.

- Khuyến khích áp dụng sản xuất sạch hơn trong sản xuất công nghiệp, đặc biệt cho các ngành công nghiệp chế biến cao su, tinh bột khoai mì, nông sản trên địa bàn; hỗ trợ chuyển giao công nghệ xanh, sản xuất sạch hơn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Phần đầu đến năm 2020, tỷ lệ các cơ sở sản xuất mới xây dựng phải áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn hoặc được trang bị các thiết bị giảm thiểu ô nhiễm đạt 90%.

7. Đô thị hoá bền vững.

- Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch đô thị với mục tiêu xây dựng đô thị xanh, đô thị sinh thái, công trình xanh. Phần đầu đến 2020 các đô thị đạt mức trung bình trở lên của hệ thống chỉ số đô thị xanh, có quy mô hợp lý tránh tình trạng tập trung dân số quá mức tải trọng của môi trường và hạ tầng kinh tế - xã hội. Quy hoạch không gian đô thị đảm bảo hiệu quả kinh tế - sinh thái, thuận lợi cho phát triển giao thông công cộng, tăng tính hấp dẫn, cạnh tranh và thân thiện môi trường.

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị (nhà ở, giao thông, năng lượng, cấp, thoát nước và xử lý rác thải,...) đảm bảo khả năng tiếp cận cho mọi người dân với chất lượng tốt. Phần đầu đến năm 2020 thành phố Kon Tum có hệ thống thu gom xử lý nước thải đạt quy chuẩn quy định; tỷ lệ các xã phường, thị trấn có các điểm thu gom rác thải, nước thải đạt 100%; tỷ lệ đô thị loại III có hệ thống thu gom xử lý nước thải đạt quy chuẩn quy định đạt 60%; tỷ lệ đô thị loại IV, loại V có tỷ lệ xử lý nước thải đạt chuẩn theo qui định về phân loại đô thị, tỷ lệ xử lý nước thải công nghiệp tại các làng nghề đạt 40%.

- Ưu tiên bố trí quỹ đất công để nhanh chóng nâng cao diện tích không gian xanh và mặt nước ở các đô thị. Khuyến khích đầu tư và phát triển các khoảng không gian xanh trong các dự án đô thị và khuyến khích cộng đồng, doanh nghiệp và các hộ gia đình huy động nguồn lực để xanh hóa cảnh quan đô thị. Đến năm 2020, tỷ lệ các đô thị có diện tích cây xanh đạt tương ứng tiêu chuẩn đô thị đạt 100%.

8. Xây dựng nông thôn mới với lối sống hoà hợp với môi trường.

- Quy hoạch, xây dựng và phát triển nông thôn theo các tiêu chuẩn sống tốt, bảo vệ và phát triển cảnh quan và môi trường xanh, sạch, đẹp, văn minh. Triển khai xây dựng nhà ở theo mô hình làng, nhà ở sinh thái, phù hợp với phong tục, tập quán, lối sống từng vùng, từng dân tộc.

- Nghiên cứu, triển khai thực hiện mô hình sản xuất theo chu trình sinh thái khép kín, ít chất thải. Phần đầu đến năm 2020: Hầu hết rác thải nông thôn được phân loại, thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn môi trường, sử dụng rác để cung cấp năng lượng, phân hữu cơ, vật liệu xây dựng; Thực hiện đạt các mục tiêu của Chiến lược quốc gia về cấp nước và vệ sinh môi trường.

- Cung cấp giải pháp xây dựng công trình kinh tế và dân sinh thích ứng với tác động biến đổi khí hậu và chủ động phòng ngừa tác động của thiên tai. Khuyến khích và hỗ trợ các hộ gia đình nông thôn sử dụng rộng rãi các nguồn năng lượng tái tạo.

9. Thúc đẩy tiêu dùng bền vững và xây dựng lối sống xanh.

- Tuyên truyền và phổ biến thông tin các sản phẩm thân thiện với môi trường đến nhân dân; đến năm 2020 áp dụng mua sắm các sản phẩm xanh.

- Xây dựng quy chế, lộ trình và thực hiện chi tiêu công gương mẫu theo tiêu chuẩn xanh. Từ năm 2015, tất cả các công trình, dự án đầu tư sử dụng ngân sách nhà nước phải áp dụng các tiêu chuẩn kinh tế xanh; Chuẩn bị đủ điều kiện để từ năm 2017 tất cả các phương tiện giao thông cơ giới mới mua bằng ngân sách nhà nước phải đạt tiêu chuẩn khí thải, ưu tiên các phương tiện sử dụng nhiên liệu sạch (điện, khí hoá lỏng) và xe lai (hybrid).

- Khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng tiết kiệm tài nguyên và hạn chế lãng phí năng lượng, tài nguyên. Tuyên truyền, giáo dục, triển khai và mở rộng qui mô thực hành lối sống xanh và tiêu dùng tiết kiệm, hợp lý và an toàn.

10. Nâng cao hiệu suất và hiệu quả sử dụng năng lượng, giảm mức tiêu hao năng lượng trong hoạt động sản xuất, vận tải, thương mại.

- Đổi mới công nghệ, áp dụng quy trình quản lý, vận hành tiên tiến, đảm bảo sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong sản xuất, truyền tải và tiêu dùng, đặc biệt với cơ sở sản xuất lớn, tiêu thụ nhiều năng lượng.

- Phát triển hệ thống vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt góp phần cải thiện điều kiện môi trường.

- Khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo và giảm dần sử dụng nhiên liệu truyền thống trong sản xuất công nghiệp và giao thông vận tải.

- Tuyên truyền, phổ biến nâng cao ý thức của nhân dân tiết kiệm nhiên liệu trong sử dụng xe tham gia giao thông vận tải và thân thiện với môi trường.

- Kiểm định các phương tiện giao thông định kỳ, loại bỏ các thiết bị hết niên hạn sử dụng theo qui định.

11. Giảm phát thải khí nhà kính thông qua phát triển nông nghiệp hữu cơ bền vững, nâng cao tính cạnh tranh của sản xuất nông nghiệp.

a) Nông nghiệp

- Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng sản xuất hàng hoá gắn với công nghiệp chế biến và thị trường, phát triển mạnh các loại sản phẩm chủ lực, có tiềm năng, lợi thế và thị trường tiêu thụ như cao su, cà phê, rau hoa xứ lạnh... Tiến tới hình thành vùng chuyên canh sản xuất rau, hoa tập trung. Ứng dụng mô hình sản xuất rau an toàn VietGap, bảo vệ môi trường bền vững.

- Phát triển mạnh diện tích trồng Sâm Ngọc Linh và một số cây dược liệu khác gắn với chế biến.

- Phát triển các vùng rau, màu, thực phẩm sạch theo hướng tập trung, áp dụng công nghệ cao, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGap), hữu cơ để nâng cao chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ sức khoẻ của nhân dân, bảo vệ môi trường bền vững.

- Định hướng xây dựng các cơ sở chăn nuôi có quy mô, trang trại, cơ sở sản xuất giống vật nuôi, cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi phải được xây dựng ở vùng nông thôn, ngoài khu tập trung dân cư và phải có hệ thống xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, thân thiện với môi trường; quy hoạch các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm theo tiêu chuẩn tránh gây ô nhiễm môi trường.

- Nghiên cứu, ứng dụng các qui trình, công nghệ sử dụng tiết kiệm, hiệu quả giống, thức ăn, vật tư nông nghiệp, tài nguyên đất, nước... để thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Từng bước áp dụng các quy trình, công nghệ sử dụng tiết kiệm, hiệu quả giống, thức ăn, vật tư nông nghiệp, tài nguyên đất, nước... và giảm phát thải khí nhà kính trong sản xuất nông nghiệp.

- Phổ biến rộng rãi công nghệ xử lý và tái chế sử dụng phụ phẩm, phế thải trong sản xuất nông nghiệp tạo ra thức ăn chăn nuôi, trồng nấm, làm

nguyên liệu công nghiệp, biogas, phân bón hữu cơ và giảm phát thải khí nhà kính.

b) Lâm nghiệp

- Đẩy mạnh công tác giao đất, giao rừng, cho thuê đất, cho thuê rừng, khoán bảo vệ rừng cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng dân cư nông thôn sử dụng lâu dài vào mục đích lâm nghiệp. Ngăn chặn có hiệu quả tình trạng lấn chiếm đất rừng, chặt phá rừng làm nương rẫy để bảo vệ diện tích rừng hiện có và đảm bảo nguồn nước ngầm ổn định. Đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, xử lý nghiêm đối với các tổ chức, cá nhân quản lý đất lâm nghiệp để xảy ra tình trạng lấn chiếm đất, mất đất.

- Thực hiện trồng rừng trên toàn bộ diện tích đất chưa có rừng đã quy hoạch vào phát triển lâm nghiệp, chú trọng đầu tư trồng rừng sản xuất theo hướng thâm canh, nâng cao năng suất, chất lượng. Tiếp tục quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng đặc dụng, bảo tồn đa dạng sinh học theo hướng phát triển bền vững. Nâng tỷ lệ độ che phủ rừng trên 65%.

- Phát triển lâm nghiệp một cách bền vững trên cơ sở phát triển đồng bộ từ khâu lâm sinh xây dựng vốn rừng đến khai thác, chế biến, dịch vụ và công tác tổ chức quản lý. Đưa lâm nghiệp trở thành ngành có đóng góp quan trọng trong nền kinh tế của tỉnh, góp phần xoá đói, giảm nghèo, bảo vệ môi trường.

- Lấy nhiệm vụ bảo vệ, khôi phục rừng phòng hộ đầu nguồn làm trọng tâm. Trong đó chú trọng giải pháp khoanh nuôi tái sinh tự nhiên. Phát triển hệ thống rừng phòng hộ môi trường gắn với phát triển du lịch sinh thái. Thực hiện các chương trình về giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng (REED), quản lý rừng bền vững, kết hợp với đa dạng hoá sinh kế cho người dân địa phương.

- Tập trung nghiên cứu tuyển chọn tập đoàn cây trồng, vật nuôi đa tác dụng, đẩy mạnh phát triển lâm sản ngoài gỗ nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế rừng. Phát triển kinh tế rừng phải gắn chặt các chương trình phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh, đặc biệt đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá gắn với chế biến và thị trường. Mở rộng liên kết giữa nông dân với các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế đầu tư bảo vệ rừng, trồng rừng, kinh doanh rừng, bao tiêu sản phẩm.

- Phát huy nội lực và các nguồn lực trong dân, đồng thời tranh thủ tối đa sự đầu tư của Trung ương, các nguồn đầu tư của nước ngoài và các tổ chức phi chính phủ, các thành phần kinh tế tham gia bảo vệ rừng, trồng rừng, phát triển nghề rừng và dịch vụ du lịch sinh thái.

12. Tăng cường đầu tư, đổi mới, ứng dụng khoa học và công nghệ để thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh.

- Tăng cường đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, đặc biệt là công nghệ xanh, sản xuất sạch hơn, công nghệ xử lý môi trường. Trong danh mục đề tài khoa học và công nghệ hàng năm phải có đề tài nghiên cứu các lĩnh vực liên quan đến thực hiện tăng trưởng xanh.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn kiến thức và kỹ năng cho cán bộ quản lý và doanh nghiệp về tăng trưởng xanh.

- Xây dựng các mô hình thí điểm về sử dụng năng lượng tiết kiệm, sản xuất sạch hơn. Đầu tư xây dựng hệ thống quan trắc môi trường bằng công nghệ cao.

- Đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ; các sáng kiến khoa học và công nghệ trong nước và nước ngoài về lĩnh vực sử dụng tiết kiệm nhiên liệu và sử dụng năng lượng sạch.

13. Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính để thực hiện tăng trưởng xanh.

- Ưu tiên và dành kinh phí thoả đáng từ ngân sách để thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh, đặc biệt cho nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và năng lượng tái tạo; tranh thủ các nguồn lực đầu tư từ ngân sách Trung ương để thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh; sử dụng hiệu quả các nguồn tài chính cho thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh theo hướng đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, đạt hiệu quả cao.

- Sử dụng các công cụ tài chính, tín dụng đồng thời thu hút các nguồn vốn ngoài ngân sách để khuyến khích phát triển kinh tế xanh.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút vốn trong và ngoài nước vào đầu tư phát triển, đặc biệt là trong các lĩnh vực: xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, các khu công nghệ cao, khuyến khích các ngành, lĩnh vực dịch vụ trình độ cao chất lượng cao và bảo vệ môi trường.

- Nâng cao hiệu quả đầu tư, chống lãng phí, thất thoát trong đầu tư, đặc biệt là đầu tư từ ngân sách nhà nước. Tiếp tục thực hiện nguyên tắc đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, phát huy vai trò tác động kích thích, thúc đẩy trong phát triển các lĩnh vực kinh tế - xã hội của các khoản đầu tư từ ngân sách nhà nước và có nguồn gốc ngân sách. Xác định rõ các trọng tâm, trọng điểm để tập trung đầu tư và điều chỉnh cơ cấu đầu tư phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo đúng định hướng và thực hiện các mục tiêu chiến lược tăng trưởng xanh.

- Tăng cường quản lý thu, chống thất thu ngân sách nhằm tăng nguồn tài chính cho việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ tăng trưởng xanh.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1393/QĐ-TTg, ngày 25 tháng 9 năm 2012, Ủy ban nhân dân tỉnh xác định các nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục I và các chỉ tiêu theo dõi, giám sát, đánh giá tăng trưởng xanh tại Phụ lục II kèm theo Kế hoạch hành động này.

2. Phân công thực hiện kế hoạch hành động

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Là cơ quan đầu mối về tăng trưởng xanh, có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức thực hiện kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh; cân đối, vận động, thu hút để đảm bảo nguồn vốn thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu trong chiến lược.

Điều phối chung các hoạt động về thông tin, giáo dục và truyền thông liên quan đến triển khai thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh. Định kỳ hàng năm đánh giá, sơ kết kết quả thực hiện chiến lược.

b) Sở Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí cho các đề án, dự án thực hiện nhiệm vụ của kế hoạch hành động này theo đúng qui định của Luật Ngân sách nhà nước, phù hợp khả năng cân đối ngân sách địa phương và hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí theo qui định hiện hành.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường:

Là cơ quan thường trực của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Kon Tum; chủ trì, phối hợp trong hoạch định chính sách ứng phó với biến đổi khí hậu nói chung, hướng dẫn đăng ký, theo dõi, giám sát về phát thải khí nhà kính, giám sát thực hiện chính sách đầu tư vào vốn tự nhiên.

d) Sở Thông tin và Truyền thông:

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Kon Tum tuyên truyền, nâng cao ý thức của nhân dân, cộng đồng về hoạt động đối ngoại, công ước quốc tế về bảo vệ môi trường, vai trò, ý nghĩa của tăng trưởng xanh, những hành động thiết thực đóng góp thực hiện tăng trưởng xanh, các mô hình nông thôn xanh, sử dụng hợp lý tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường, giảm lượng khí thải, an toàn, văn minh, mang đậm bản sắc dân tộc, hài hòa và thân thiện với thiên nhiên.


đ) Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

Căn cứ Kế hoạch hành động này và tình hình, điều kiện cụ thể, các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch, cụ thể hoá nhiệm vụ, xác định rõ từng nội dung công việc, thời gian hoàn thành trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao trong kế hoạch hành động; đồng thời chủ động huy động thêm nguồn lực và lồng ghép hoạt động của Kế hoạch này vào các hoạt động liên quan thuộc chương trình, kế hoạch khác của đơn vị, địa phương nhằm đạt mục tiêu chung của Kế hoạch hành động.

e) Khuyến khích các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức phi Chính phủ và doanh nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ của mình chủ động xây dựng kế hoạch và tham gia triển khai thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh trong phạm vi chức năng và hoạt động; hỗ trợ và huy động sự tham gia của cộng đồng, phổ biến kinh nghiệm, mô hình tăng trưởng xanh. Định kỳ hàng năm xây dựng báo cáo kết quả thực hiện.

3. Chế độ báo cáo

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, định kỳ hàng năm đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hành động, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư); Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) xem xét, giải quyết. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
1.07 CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Hải

PHỤ LỤC I
DANH MỤC NHIỆM VỤ KÈM THEO KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TĂNG TRƯỞNG XANH TỈNH KON TUM
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 514/QĐ-UBND, ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
I	Nhiệm vụ chung			
-	Xây dựng chương trình kế hoạch hành động và chỉ đạo thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan có liên quan	Quý II/2013
-	Xây dựng khung theo dõi, đánh giá, báo cáo thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan có liên quan	Triển khai thực hiện và báo cáo đánh giá vào cuối năm 2015
-	Lồng ghép tăng trưởng xanh trong lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan có liên quan	KH hàng năm và KH 5 năm 2016-2020
-	Chương trình hành động về thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh ở các ngành, địa phương.	Các sở, ban, ngành, huyện, thành phố		Quý III/2013
-	Đẩy mạnh công tác giáo dục truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội về chiến lược tăng trưởng xanh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan báo chí, các tổ chức đoàn thể, các cơ quan liên quan	2013-2020
-	Huy động sự tham gia các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức phi Chính phủ, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư vào các chương trình, kế hoạch dự án của Ủy ban nhân dân tỉnh nhằm thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan có liên quan	2013-2020
-	Cân đối ngân sách để thực hiện các chương trình, kế hoạch chiến lược tăng trưởng xanh	Sở Tài chính	Các cơ quan liên quan	2013-2020

-	Hướng dẫn sử dụng nguồn kinh phí trong quá trình thực hiện Kế hoạch hành động thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh	Sở Tài chính	Các cơ quan liên quan	2013-2020
-	Đề xuất giải pháp tăng cường vai trò và tác động của khoa học và công nghệ, đẩy mạnh đổi mới công nghệ trong thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan liên quan	2013-2020
II	Giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo			
-	Xây dựng khung chính sách sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan có liên quan	Triển khai thực hiện và báo cáo đánh giá vào cuối năm 2015
-	Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ về bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, sản xuất sạch hơn.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công thương, và các đơn vị liên quan	2013-2020
-	Hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện chương trình sản xuất sạch hơn; đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm; tăng tỷ lệ sử dụng năng lượng tái tạo trong cơ cấu sử dụng năng lượng	Sở Công thương	Sở Khoa học và Công nghệ, và các đơn vị liên quan	2013-2020
-	Di dời, thay thế các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng thủ công tiêu tốn năng lượng, gây ô nhiễm môi trường trong địa bàn nội thị vào trong các khu, cụm công nghiệp	Sở Tài nguyên và môi trường	UBND các huyện, thành phố; Ban quản lý khu kinh tế và các cơ quan có liên quan	2013-2015
III	Xanh hoá sản xuất			
-	Xây dựng khung chính sách và kế hoạch hành động phát triển công nghiệp xanh	Sở Công thương	Các Cơ quan có liên quan	Triển khai thực hiện và báo cáo đánh giá vào cuối năm 2015

-	Xây dựng khung chính sách và kế hoạch hành động phát triển giao thông xanh	Sở Giao thông Vận tải	Các cơ quan có liên quan	Triển khai thực hiện và báo cáo đánh giá vào cuối năm 2015
-	Xây dựng khung chính sách và kế hoạch hành động phát triển nông nghiệp xanh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan có liên quan	Triển khai thực hiện và báo cáo đánh giá vào cuối năm 2015
-	Xây dựng khung chính sách và kế hoạch hành động hỗ trợ phát triển công nghệ xanh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan có liên quan	Triển khai thực hiện và báo cáo đánh giá vào cuối năm 2015
IV	Xanh hoá lối sống thúc đẩy tiêu dùng bền vững			
-	Xây dựng khung chính sách và kế hoạch hành động phát triển đô thị xanh	Sở Xây dựng	Các cơ quan có liên quan	Triển khai thực hiện và báo cáo đánh giá vào cuối năm 2015
V	Nâng cao nhận thức, hướng dẫn tổ chức, thực hiện huy động nguồn lực, hợp tác quốc tế			
-	Xây dựng và triển khai Chiến lược truyền thông tăng trưởng xanh	Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Thông tin truyền thông	Các cơ quan có liên quan	Triển khai thực hiện và báo cáo đánh giá vào cuối năm 2015

PHỤ LỤC II

CÁC CHỈ TIÊU GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CHIẾN LƯỢC TĂNG TRƯỞNG XANH TỈNH KON TUM

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 514/QĐ-UBND, ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Tỷ lệ các xã phường, thị trấn có các điểm thu gom rác thải, nước thải %	- Chủ trì: Sở Xây dựng - Phối hợp: Sở Tài nguyên và Môi trường	2013 - 2020
2	Tỷ lệ đô thị loại III có hệ thống thu gom xử lý nước thải đạt quy chuẩn quy định %	- Chủ trì: Sở Xây dựng - Phối hợp: Sở Tài nguyên và Môi trường	2013 - 2020
3	Tỷ lệ đô thị loại IV, loại V có tỷ lệ xử lý nước thải đạt chuẩn theo qui định về phân loại đô thị, tỷ lệ xử lý nước thải công nghiệp tại các làng nghề %	- Chủ trì: Sở Xây dựng - Phối hợp: Sở Tài nguyên và Môi trường	2013 - 2020
4	Tỷ lệ các đô thị có diện tích cây xanh đạt tương ứng tiêu chuẩn đô thị %	Sở Xây dựng	2013 - 2020
5	Tỷ lệ các cơ sở sản xuất mới xây dựng phải áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn hoặc được trang bị các thiết bị giảm thiểu ô nhiễm (CDM) %	Sở Khoa học và Công nghệ	2013 - 2020
6	Tỷ lệ các khu, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải/Chất thải rắn (%)	Sở Tài nguyên và Môi trường	2013 - 2020